

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2021

V/v: “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Mỹ Liên;
2. Ông Nguyễn Quang Phước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 701/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 18 tháng 6 năm 2021; Thông báo về việc dời phiên tòa số 30/TB-TA, ngày 09 tháng 7 năm 2021; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 49/TB-TA, ngày 21 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc Y, sinh năm 1977; địa chỉ: Khu phố A, phường AT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1977; địa chỉ: Khu phố A, phường AT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Y, trình bày:

Chị và anh T qua một thời gian tìm hiểu thì tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường AT vào năm 2001. Trong thời gian chung sống vợ chồng chị và anh Phạm Ngọc T, cùng nhau sinh sống tại khu phố A, phường AT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh đến

tháng 9 năm 2018, thì anh Phạm Ngọc T bỏ địa phương đi đâu tôi không biết. Nguyên nhân anh Phạm Ngọc T bỏ đi là do anh T có tình cảm với người khác. Từ đó, chị và anh T sống ly thân cho đến nay và không có liên lạc gì với anh T. Nay chị nhận thấy đời sống hôn nhân với anh T không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Ngọc T.

Thời gian chung sống vợ chồng, chị và anh T có 02 con chung tên Phạm Nguyễn Yên L, sinh ngày 12-12-1999 và Phạm Nguyễn Kim N, sinh ngày 17-7-2007. Hiện nay cháu N, chị đang nuôi dưỡng, cháu L đã lập gia đình. Khi Tòa án cho chị và anh T ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Phạm Nguyễn Kim N. Cháu L đã thanh niên không yêu cầu xem xét giải quyết. Chị không yêu cầu cấp phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Ngọc T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng.

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; Riêng bị đơn anh Phạm Ngọc T chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, vắng mặt không tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án không lý do, làm cho việc giải quyết vụ án kéo dài thời gian.

2. Việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 56, 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Ngọc Y đối với anh Phạm Ngọc T. Chị Nguyễn Ngọc Y được ly hôn anh Phạm Ngọc T.

Về con chung: Giao chị Nguyễn Ngọc Y được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Kim N, sinh ngày 17-7-2007. Cháu Phạm Nguyễn Yên L, sinh ngày 12-12-1999 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Ghi nhận chị Y không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có tranh chấp, nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Ngọc Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Ngọc Y yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Phạm Ngọc T. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị Nguyễn Ngọc Y vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Phạm Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Chị Y và anh T qua một thời gian tìm hiểu thì tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường AT vào năm 2001. Trong thời gian chung sống vợ chồng chị Y và anh T, cùng nhau sinh sống tại khu phố AT, phường AT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh đến tháng 9 năm 2018, thì anh T bỏ địa phương đi đâu chị không biết. Nguyên nhân anh Phạm Ngọc T bỏ đi là do anh T có tình cảm với người khác. Từ đó, chị và anh T sống ly thân cho đến nay và không có liên lạc gì với anh T. Nay chị Y nhận thấy đời sống hôn nhân với anh T không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Y yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Ngọc T.

Anh Phạm Ngọc T không tham gia tố tụng, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn hôn nhân gia đình giữa chị Y và anh T đã đến mức trầm trọng, anh T không thể hiện sự thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Ngọc Y đối với anh Phạm Ngọc T là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Y và anh T có 02 con chung tên Phạm Nguyễn Yến L, sinh ngày 12-12-1999 và Phạm Nguyễn Kim N, sinh ngày 17-7-2007. Hiện nay cháu N, chị đang nuôi dưỡng, cháu L đã lập gia đình. Cháu N có nguyện vọng được sống với chị Y. Do đó, để tạo điều kiện cho sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của cháu N, cần giao cháu Phạm Nguyễn Kim N cho chị Y được trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu L đã thành niên nên không xem xét giải quyết. Ghi nhận chị Y không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với các Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Ngọc Y xác định chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Phạm Ngọc T trong quá trình giải quyết vụ án, không tham gia tố tụng, không cung cấp ý kiến

của mình đối với yêu cầu của chị Y. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Nguyễn Ngọc Y. Chị Nguyễn Ngọc Y được ly hôn đối với anh Phạm Ngọc T.

2. Về con chung:

Giao cháu Phạm Nguyễn Kim N, sinh ngày 17-7-2007 cho chị Y được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Y không yêu cầu, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Phạm Nguyễn Yến L, sinh ngày 12-12-1999 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc Y phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, án phí dân sự sơ thẩm, nhưng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị Y đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014925 ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chị Y đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho chị Y và anh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND TX. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- UBND phường AT;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Tấn Đạt